TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 161/2021/QĐST-HNGĐ	*Phú Mỹ, ngày 27 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 35, Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 385/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc "*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Thân Thị T1, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố T, phường H, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông Mai Văn T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố T, phường H, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn T và bà Thân Thị T1 chung sống với nhau từ năm 2012. Ông, bà có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 26/3/2012. Ông, bà cho rằng vợ chồng chung sống với nhau chỉ hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ, chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Tòa án đã hòa giải, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng ông, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được thuận tình ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Ông Mai Văn T và bà Thân Thị T1 xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Mai Thân Toàn T2, sinh ngày 04/7/2013. Hiện cháu T2 đang sống với bà T1. Theo nguyện vọng của con, vợ chồng thoả thuận giao con chung cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông T cấp dưỡng nuôi con số tiền

1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu T2 đủ tuổi trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2022.

Xét thấy, hiện nay cháu T2 đang sống với bà T1. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần của cháu T2 cần chấp nhận yêu cầu, giao con chung cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2022.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Mai Văn T và bà Thân Thị T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Mai Văn T và bà Thân Thị T1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn T và bà Thân Thị T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Mai Thân Toàn T2, sinh ngày 04/7/2013 cho bà Thân Thị T2 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Mai Văn T được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Mai Văn T và bà Thân Thị T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Ông Mai Văn T và bà Thân Thị T1 phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0005621 ngày 26/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã H, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nhung